

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HNGĐ -
ST

Ngày 19/4/2019

“V/v tranh chấp hôn nhân &
GD”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH H**

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Quang L.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị .

Ông Vũ Văn H.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q - Cán bộ Tòa án.

Đại diện VKSND tp. H: Ông Nguyễn Anh T - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số: 32/2019/TLST - HNGĐ ngày 25/02/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX ngày 26/3/2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T** – sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: số 223 đường Đ, phường Q, tp. H, tỉnh H.

Chỗ ở: Đội 4, thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh H.

* **Bị đơn: Chị Nguyễn Lan P** - Sinh năm 1982. Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: số 223 đường Đ, phường Q, thành phố H, tỉnh H.

Hiện đang thụ án tại: Phân trại số 03, Trại giam Ninh Khánh – V26 – Bộ Công An.

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện H, tỉnh N.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Cháu **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 2003. Vắng mặt có lý do.

2/ Cháu **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 2005. Vắng mặt có lý do.

Cùng địa chỉ: Đội 4, thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật cho hai cháu: Anh Nguyễn Minh T là bố đẻ của hai cháu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh T kết hôn với chị Nguyễn Lan P trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố H vào ngày 29/3/2002 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về sống chung tại số 223 Đ, phường Q, thành phố H, tỉnh H. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh bình thường, đến năm 2015 thì chị P phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị Tòa án nhân dân thành tỉnh H xử phạt 12 năm tù. Hiện chị P đang chấp hành án tại phân khu 3, trại giam N, tỉnh N. Từ khi chị P bị bắt, anh đã phát hiện trước đó chị P sống không chung thủy với anh, có quan hệ trai gái. Chính vì sự không chung thủy của chị P làm anh mất niềm tin và không còn tình cảm gì với chị P nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị P nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

* Tại bản tự khai ngày 05/3/2019 bị đơn chị Nguyễn Lan P trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị có đồng quan điểm với nguyên đơn anh Nguyễn Minh T, chị kết hôn với anh T và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố H vào năm 2002. Trong thời gian chung sống từ năm 2002 đến năm 2012 tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vấn đề kinh tế, nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay anh T có đơn xin ly hôn thì quan điểm của chị nhất trí ly hôn với anh T.

- **Về con chung:** Anh T và chị Lan P khẳng định, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 17/01/2003 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/7/2005. Hiện hai cháu đang ở với anh T. Anh T có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P nhất trí với quan điểm của anh T, để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp:** Anh T và chị Lan P đều khẳng định: Không có gì, nên cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Minh T và cháu Nguyễn Minh Đ trình bày: Hiện tại các cháu đang ở cùng với bố cháu và ông bà nội cháu ở đội 4, thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh H. Quá trình chung sống cùng bố mẹ cháu trước khi mẹ các cháu bị bắt thì cháu không biết bố mẹ mâu thuẫn về vấn đề gì. Các cháu chỉ biết từ khi mẹ cháu bị bắt và đi chấp hành án cho đến nay các cháu không thấy bố mẹ các cháu liên lạc gì với nhau, bố các cháu cũng không bao giờ đi thăm gặp mẹ các cháu. Hiện nay các cháu đang ở cùng với bố và ông bà nội, được bố và ông bà nội quan tâm chăm sóc chu đáo. Nay bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với bố. Việc các cháu có nguyện vọng

tiếp tục ở với bố cháu là hoàn toàn tự nguyện không bị ai xúi giục hay ép buộc các cháu.

* Người làm chứng bà TNguyễn Thị Htrình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Minh T, còn chị Nguyễn Lan P là con dâu. Anh T và chị P đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do không ở cùng nên bà không nắm rõ vợ chồng anh T, chị P mâu thuẫn cụ thể về vấn đề gì. Năm 2015 sau khi chị P bị bắt và đi chấp hành án bà có nghe anh T phàn nàn về việc chị P sống không chung thủy với anh T, còn cụ thể như thế nào bà không nắm rõ. Từ khi chị P đi chấp hành án đến nay anh T và chị P không có liên lạc hay quan tâm gì tới nhau. Vợ chồng anh T, chị P có hai con chung, hiện hai cháu đang ở cùng với anh T và gia đình bà. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị P thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn chị Nguyễn Lan P đang đi chấp hành tại trại giam N, tỉnh N với thời hạn là 12 năm, nên không thể đến Tòa án làm việc được. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không hòa giải cho vợ chồng anh T và chị P được.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan P; về con chung: Anh có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: Anh T khẳng định là không có gì, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn chị P là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: Căn cứ các điều 28, Điều 227 – BLTTDS; Điều 51, 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị P. Giao hai cháu Nguyễn Thị Minh T và cháu Nguyễn Minh Đ cho anh T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Anh T và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và xác định thẩm quyền: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Lan P có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh H. Như vậy, hôn nhân giữa anh T và chị P là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 nguyên nhân do vấn đề kinh tế và một phần do anh T nghi ngờ chị P sống không chung thủy với anh, nên vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc nên anh T đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với chị P. Anh T và chị P có hộ khẩu thường trú tại 223 đường Đ, phường Q, thành phố H. (Hiện nay chị P đang đi chấp hành án tại trại giam N, tỉnh N), nên Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý và xác định quan hệ pháp luật cũng như giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị P vắng mặt tại phiên tòa có lý do, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX sẽ tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T, thì thấy: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và người làm chứng, đã có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị P có mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do vấn đề kinh tế và một phần do anh T nghi ngờ chị P sống không chung thủy với anh. Từ khi chị P bị bắt và đi chấp hành án từ năm 2015 cho đến nay, anh T và chị P không liên lạc và cũng không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh T có nguyện vọng xin được ly hôn chị P, bản thân chị P xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt nên chị cũng nhất trí ly hôn với anh T. HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn giữa anh T và chị P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T khởi kiện xin ly hôn, chị P cũng nhất trí ly hôn với anh T. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị P đều khẳng định có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 17/01/2003 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/7/2005. Hiện tại hai cháu đang ở cùng với anh T. Nay ly hôn, anh T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu. Cháu Thùy và cháu Đức cũng có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với anh T. Chị P cũng có quan điểm nhất trí ý kiến của anh T và 02 con chung là giao cả hai cháu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX nhận thấy: Việc các bên đương sự thống nhất quan điểm, đây là sự tự nguyện của các bên đương sự. Mặt khác, hiện tại chị P đang phải đi chấp hành án tại trại giam N, tỉnh N với thời hạn là 12 năm không thể có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Việc giao cả hai con chung của anh T và chị P cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các cháu. Nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cả hai cháu cho anh T tiếp tục nuôi

dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được, là hoàn toàn phù hợp. Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung, chị P nhất trí quan điểm của anh T. HĐXX nhận thấy đây là sự tự nguyện của anh T nên cần được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Anh T và chị P đều khẳng định là vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không nợ ai tài sản, không có công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, không có ruộng canh tác nông nghiệp, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX nhận thấy: Các đương sự không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị P vắng mặt có lý do, nên HĐXX sẽ căn cứ vào các điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt chị P.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân - gia đình năm 2014. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147-BLTTDS; Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T. Cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Lan P.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 17/01/2003 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 31/7/2005, cho anh Nguyễn Minh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Anh T và chị P đều khẳng định là không có gì, nên cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2015/0000301, ngày 25/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. (Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn anh T, vắng mặt bị đơn chị P. Báo cho anh T có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với chị P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại Phân trại số 03, Trại giam Ninh Khánh – V26 – Bộ Công An.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H.
- Chi cục THADS T.P H.
- Phòng kiểm tra và thi hành án TAND

tỉnh H.,

- UBND phường Q, TP H.
- Các đương sự.
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa

Đỗ Quang L